

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/DS-ST.

Ngày: 15/8/2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh;

2. Ông Nguyễn Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G.

Ngày 15/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST-DS ngày 01/4/2019 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-DS ngày 12/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 29/7/2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.**

Địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện K, Đông G. Địa chỉ: Số 35 đường Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

-Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1970 và bà **Tống Thị B**, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện K, tỉnh G.

Ông B có mặt tại phiên tòa; ông K và bà B lần thứ hai đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh B trình bày:

Ngày 25/4/2016, ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị B đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện K Đông G (*sau đây gọi tắt là ngân hàng*) với số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*), theo Hợp đồng tín dụng số 1881/HĐTD ngày 20/4/2016 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1881 ngày 20/4/2016 được điều chỉnh lãi suất, thời hạn vay tại Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 25/4/2016 với lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là 0.8166%/tháng (*bằng 9.80%/năm*). Mục đích sử dụng tiền vay: chăn nuôi bò thịt 08 con và chăm sóc 01ha cà phê. Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận được ghi trong giấy nhận nợ. Thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 25/4/2017.

Sau khi vay vốn, ông K và bà B đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đến ngày 25/4/2017 ông, bà không thực hiện trả nợ theo đúng nội dung đã ký kết nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông K, bà B trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 17/3/2019, ông K, bà B còn nợ Ngân hàng số tiền là: Nợ gốc là: 130.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn 30.894.500 đồng; tiền lãi quá hạn là 12.226.861 đồng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K và bà B phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 17/3/2019 là 173.121.361 đồng

Tại phiên tòa, nguyên đơn bổ sung yêu cầu ông K-bà B phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn tiếp tục phát sinh từ ngày 18/3/2019 đến ngày 15/8/2019 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 7.905.781 đồng.

Tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng là 181.027.142 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 36.165.021 đồng và nợ lãi quá hạn là 14.862.121 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 15/8/2019*).

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị B:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân (TAND) huyện K, tỉnh G đã triệu tập ông, bà đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên công khai chứng cứ và hoà giải do Tòa án tổ chức nhưng ông, bà không hợp tác, trốn tránh, vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do vụ án hai lần không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì ông K, bà B vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 29/7/2019 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng ông K, bà B đã vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Việc vay vốn giữa bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Tống Thị B và Ngân hàng được thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số 1881/HĐTD ngày 20/4/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 1881 ngày 20/4/2016 được UBND xã S ký xác nhận vào ngày 22/4/2016 và Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 25/4/2019 là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do đó, việc ông K, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng, buộc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ là có cơ sở và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K, tỉnh G. TAND huyện K đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được TAND huyện K, tỉnh G thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông K, bà B đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng ông K, bà B đều vắng mặt, không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 1881/HĐTD ngày 20/4/2016 và Giấy nhận nợ số 01/GNN ngày 25/4/2016 với lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng là 0.8166%/tháng (*bằng 9.80%/năm*). Mục đích sử dụng tiền vay: chăn nuôi bò thịt 08 con và chăm sóc 01 ha cà phê. Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng. Lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận được ghi trong giấy nhận nợ. Thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 25/4/2017; tất cả các điều kiện trên của bên cho vay và bên vay đã được ông K, bà B thừa nhận bằng việc ký vào Hợp đồng tín dụng và nhận số tiền của khoản vay là 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*).

Sau khi vay tiền cho đến nay, ông K, bà B đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông trả nợ nên ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Ông K, bà B luôn vắng mặt, trốn tránh trong các lần Tòa án triệu tập làm việc đã thể hiện việc ông, bà đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, đồng thời mặc nhiên thể hiện việc vay nợ mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Do đó, khi quá thời hạn trả nợ, Ngân hàng khởi kiện thì ông K, bà B phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông K, bà B là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận; buộc ông K, bà B phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 36.165.021 đồng và nợ lãi quá hạn là 14.862.121 (*các khoản lãi tính đến*

ngày 15/8/2019), tổng cộng là 181.027.142 đồng (*một trăm tám mươi một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông K, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 181.027.142 đồng x 5% = 9.051.357 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 227, 228 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Tổng Thị B phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ ngày 25/4/2016 là **181.027.142 đồng** (*một trăm tám mươi một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi hai đồng*), trong đó: 130.000.000 đồng nợ gốc; 36.165.021 đồng nợ lãi trong hạn và 14.862.121 đồng nợ lãi quá hạn (*tính đến ngày 15/8/2019*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 LTHADS.

Về án phí:

*Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Tổng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.051.357 đồng.

*Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.328.034 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0006835 ngày 01/4/2019 của Chi cục THADS huyện K, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2019), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh G xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị B vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G.
- VKSND tỉnh G.
- VKSND huyện K.
- THADS huyện K.
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA